

Bản án số 06/2024/KDTM-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Thuận** và ông **Trần Minh Thân**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phan Đình Vui** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thanh Thuận** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**; địa chỉ: **Số B L, quận B, thành phố Hà Nội**. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn C**, chức danh: Phó Giám đốc **A Chi nhánh C1**; địa chỉ liên hệ: **Số E, 07, I N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng** (theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc **A** và Giấy ủy quyền số: 133/GUQ-CL ngày 16/8/2023 của Giám đốc **A Chi nhánh C1**), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1981, ông **Lê Trương Đình T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: **E N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần T1**, sinh năm 1984 và bà **Ngô Thị Thủy H**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **C H, tổ A phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N có cho vay đối với bà Trần Thị G, ông Lê Trương Đình T theo Hợp đồng tín dụng vay vốn số 2016-LAV 202300097 ngày 21/02/2023, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

- Số tiền cho vay là 8.000.000.000đ;

- Mục đích sử dụng vốn vay: Kinh doanh giày dép;

Dư nợ cho vay đến ngày 24/4/2024: nợ gốc 8.000.000.000đ; nợ lãi 1.070.191.781đ, tổng công là 9.070.191.781đ

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Trần T1 và bà Ngô Thị Thủy H đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 142, tờ bản đồ số: 52, địa chỉ: Lô S-Khu B, Khu D, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 131003 do UBND Quận C cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009 số vào sổ: H07436, đứng tên ông Trần T1 bà Ngô Thị Thủy H. Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số: 26/2019/HĐTC ngày 17/01/2019.

Trong quá trình vay vốn, ông T bà G không trả nợ theo đúng cam kết đã ký trong hợp đồng tín dụng. Đến nay, ông T bà G vẫn không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, phía Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông T bà G phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ 9.070.191.781, trong đó: Nợ gốc là 8.000.000.000đ; Nợ lãi là 1.070.191.781đ (tạm tính đến ngày 24/4/2024), và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã nêu trên, kể từ ngày 25/4/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho A.

- Trường hợp ông T bà G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Trong đơn trình bày gửi Tòa án, bị đơn ông T bà G trình bày:*

Trước đây, vợ chồng ông bà có đứng tên vay giùm cho em trai là Trần T1 và Ngô Thị T2 H tại Ngân hàng N. Hiện nay gia đình đang gặp nhiều khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho gia hạn 90 ngày để gia đình thu xếp trả khoản nợ cho ngân hàng.

** Trong đơn trình bày gửi Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Ngô Thị Thủy H trình bày:*

Do dịch bệnh kéo dài nên công việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn, hiện tại vẫn chưa có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng. Đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện được gia hạn khoản nợ trong thời hạn 90 ngày để gia đình thu xếp trả khoản nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn **Ngân hàng N** với bị đơn ông **Lê Trương Đình T** bà **Trần Thị G** là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng được thực hiện tại địa bàn **quận T** và nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân quận Thanh Khê giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông **Lê Trương Đình T**, bà **Trần Thị G** cũng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Trần T1**, bà **Ngô Thị Thủy H** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan..

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng N và bà **Trần Thị G**, ông **Lê Trương Đình T** có ký kết Hợp đồng tín dụng vay vốn số 2016-LAV 202300097 ngày 21/02/2023, hợp đồng dân sự được ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông **T** bà **G** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền lãi hàng tháng và trả gốc khi khoản nợ đến hạn. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì bà **G** ông **T** có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo phân kỳ nhưng bà **G** ông **T** đã không thực hiện đúng thỏa thuận đã cam kết. Đến nay, hợp đồng tín dụng nêu trên đã quá thời hạn trả nợ gốc và lãi. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà **G** ông **T** vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Như vậy, bà **G** ông **T** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, vi phạm các hợp đồng tín dụng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc đề nghị Tòa án buộc bà **G** ông **T** trả số tiền còn nợ là phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà **G** ông **T** không đến Tòa án để giải quyết mà có văn bản gửi Tòa án thừa nhận khoản nợ đối với Ngân hàng nhưng

cho rằng do dịch bệnh Covid nên việc kinh doanh khó khăn, không có tiền trả đúng hạn cho Ngân hàng và yêu cầu được gia hạn trả số nợ trên trong thời hạn 3 tháng kể từ tháng 9.2023 nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 24/4/2024, bà G ông T còn nợ Ngân hàng N số tiền tổng cộng là 9.070.191.781, trong đó nợ gốc là 8.000.000.000đ, nợ lãi là 1.070.191.781đ. Hội đồng xét xử buộc bà bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Ngô Thị Thủy H và ông Trần T1 dùng tài sản thuộc sở hữu của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 52, địa chỉ: Lô S-Khu B, Khu dân cư A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 131003 do UBND Quận C cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009 số vào sổ: H07436, đứng tên ông Trần T1 bà Ngô Thị Thủy H để thế chấp cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà G ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì tài sản thế chấp nêu trên sẽ được xử lý theo Điều 299 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bà G ông T phải chịu theo quy định của pháp luật: $112.000.000đ + (0,1\% \times 5.070.191.781) = 117.070.000đ$;

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ, bà G ông T phải chịu. Ngân hàng đã chi phí số tiền này nên ông T bà G có trách nhiệm trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng N đối với bà Trần Thị G, ông Lê Trương Đình T.

2. Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* **Xử:** Buộc bà Trần Thị G, ông Lê Trương Đình T phải trả cho Ngân hàng N số tiền tổng cộng là 9.070.191.781 (*chín tỷ không trăm bảy mươi triệu một trăm chín mươi một ngàn bảy trăm tám mươi một đồng*), trong đó nợ gốc 8.000.000.000đ (*Tám tỷ đồng*), nợ lãi trong hạn 1.070.191.781đ, (*một tỷ không trăm bảy mươi triệu một trăm chín mươi một ngàn bảy trăm tám mươi một đồng*).

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 25/4/2024 trên số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vay vốn số 2016-LAV 202300097 ngày 21/02/2023.

*** Về xử lý tài sản thế chấp:** Trong trường hợp bà **Trần Thị G**, ông **Lê Trương Đình T** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 52, địa chỉ: **Lô S-Khu B, Khu dân cư A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 131003 do **UBND quận C**, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03.11.2009, số vào sổ H07436 đứng tên ông **Trần T1** bà **Ngô Thị Thủy H** sẽ được xử lý theo Điều 299 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

Khi bà **Trần Thị G**, ông **Lê Trương Đình T** thanh toán xong khoản nợ trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bà **Ngô Thị Thủy H**, ông **Trần T1** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 131003 do **UBND Quận C** cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 117. 070.000đ đồng (*Một trăm mười bảy triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng*), bà **Trần Thị G**, ông **Lê Trương Đình T** phải chịu. **Ngân hàng N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng N** 58.250.000 đồng (*Năm mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000224 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Lê Trương Đình T**, bà **Trần Thị G** có trách nhiệm trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho **Ngân hàng N**.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường

